

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Và cổ phiếu của Công ty đã được hủy niêm yết chính thức vào ngày 15 tháng 12 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty chính thức được hủy niêm yết vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Hiền	Thành viên	
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017
Ông Mã Minh Quang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Mạnh Đức	Thành viên	
Ông Hà Việt Thắng	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban	
Ông Lương Nam Hữu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Dương Duy Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đình Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Chiêm Tấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Brian Soendergaard Vinther	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Hiền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.


Thay mặt Ban Giám đốc:

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

Số tham chiếu: 60933503/19356643

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 1 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 318.906.026.602 VNĐ. Ngoài ra, cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 172.445.064.797 VNĐ và tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 120.052.516.348 VNĐ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 31 tháng 1 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến những vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.816.267.493.208	2.530.070.389.774
110	I. Tiền	4	15.334.512.600	90.699.811.854
111	1. Tiền		15.334.512.600	90.699.811.854
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.616.027.868.925	1.568.097.913.874
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.818.964.744.185	1.481.972.039.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	10.093.366.990	59.807.252.397
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	115.463.388.712	40.601.044.262
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(328.493.630.962)	(14.282.422.254)
140	III. Hàng tồn kho	7	181.512.798.175	867.061.114.505
141	1. Hàng tồn kho		181.512.798.175	867.061.114.505
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.392.313.508	4.211.549.541
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	453.005.798	1.081.100.258
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	2.939.307.710	3.130.449.283
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.234.223.578.364	1.100.475.653.078
210	I. Phải thu dài hạn		75.000.000	329.830.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		75.000.000	329.830.000
220	II. Tài sản cố định		687.408.909.408	434.424.262.837
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	686.454.159.408	433.469.512.837
222	Nguyên giá		984.507.255.600	658.333.729.674
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(298.053.096.192)	(224.864.216.837)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	954.750.000	954.750.000
228	Nguyên giá		2.227.478.775	2.227.478.775
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.272.728.775)	(1.272.728.775)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		41.298.922.520	257.463.729.439
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	41.298.922.520	257.463.729.439
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		469.829.101.080	364.175.230.414
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	469.829.101.080	364.175.230.414
260	V. Tài sản dài hạn khác		35.611.645.356	44.082.600.388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	18.337.444.087	29.825.577.481
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	17.274.201.269	14.257.022.907
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.050.491.071.572	3.630.546.042.852

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.153.862.918.713	2.411.448.783.242
310	I. Nợ ngắn hạn		1.936.320.009.556	1.984.972.675.385
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	315.770.053.025	188.423.344.574
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.658.774.360	5.433.322.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.620.110.137	6.821.469.152
314	4. Phải trả người lao động		124.000.001	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.678.178.313	7.140.354.556
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	126.398.966.639	112.995.863.485
320	7. Vay ngắn hạn	17	1.447.526.747.650	1.650.919.772.313
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	16.543.179.431	13.238.549.282
330	II. Nợ dài hạn		217.542.909.157	426.476.107.857
338	1. Vay dài hạn	17	215.872.468.889	424.333.997.089
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.670.440.268	2.142.110.768
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		896.628.152.859	1.219.097.259.610
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	896.628.152.859	1.219.097.259.610
411	1. Vốn cổ phần		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		23.753.867.656	-
421	3. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(172.445.064.797)	173.777.909.610
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		146.460.961.805	55.008.571.326
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(318.906.026.602)	118.769.338.284
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.050.491.071.572	3.630.546.042.852



Nguyễn Ngọc Thẩm
Người lập



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	3.552.326.871.732	4.674.317.583.155
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(93.234.946.059)	(106.196.348.958)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		3.459.091.925.673	4.568.121.234.197
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(3.199.624.963.703)	(4.252.721.237.544)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		259.466.961.970	315.399.996.653
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	553.308.076	1.599.103.104
22	7. Chi phí tài chính	22	(150.413.037.663)	(108.793.890.790)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(146.782.026.712)	(108.705.819.321)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(70.578.807.598)	(36.336.086.166)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(349.461.725.841)	(39.303.100.497)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(310.433.301.056)	132.566.022.304
31	11. Thu nhập khác	25	816.565.806	5.250.666.884
32	12. Chi phí khác	25	(693.271.959)	(183.562.309)
40	13. Lợi nhuận khác	25	123.293.847	5.067.104.575
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(310.310.007.209)	137.633.126.879
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(11.613.197.755)	(22.005.491.434)
52	16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	27.3	3.017.178.362	3.141.702.839
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(318.906.026.602)	118.769.338.284

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(310.310.007.209)	137.633.126.879
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9	73.188.879.355	36.085.608.321
03	Dự phòng		313.739.538.208	6.565.169.122
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		54.287.300	8.343.518
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(585.233.334)
06	Chi phí lãi vay	22	146.782.026.712	108.705.819.321
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		223.454.724.366	288.412.833.827
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(362.532.337.104)	162.621.270.653
10	Giảm hàng tồn kho		685.548.316.330	2.777.076.397
11	Tăng các khoản phải trả		143.873.858.222	134.807.535.132
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		12.116.227.854	(8.507.154.775)
14	Tiền lãi vay đã trả		(146.177.323.425)	(105.404.996.352)
15	Thuế TNDN đã nộp	14	(9.322.696.580)	(21.660.527.470)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(258.450.000)	(556.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		546.702.319.663	502.489.137.412
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(103.967.051.440)	(491.342.976.335)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		-	32.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(105.653.870.666)	(364.175.230.414)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		-	2.045.066.667
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(209.620.922.106)	(821.473.140.082)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.309.540.675.413	3.907.752.173.356
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.721.987.391.076)	(3.550.153.972.447)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(412.446.715.663)	357.598.200.909

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(75.365.318.106)	38.614.198.239
60	Tiền đầu năm	4	90.699.811.854	52.085.626.815
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.852	(13.200)
70	Tiền cuối năm	4	15.334.512.600	90.699.811.854



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng





Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty chính thức được hủy niêm yết vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 658 (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 713).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 318.906.026.602 VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 120.052.516.348 VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc đã lập lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bao gồm việc thanh lý một phần giá trị đầu tư và cơ cấu lại các khoản đầu tư dài hạn của Công ty mà theo đó, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Các bên liên quan của Công ty cũng cam kết rằng họ sẽ không yêu cầu Công ty thanh toán cho các khoản nợ đã đề cập trên cho đến khi trách nhiệm pháp lý cho các bên thứ ba được giải quyết. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 đề ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh Doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Bản quyền phần mềm	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MVT Khu công nghiệp FIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 trong thời hạn 45 năm và Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn 40 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm của khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	418.928.371	88.335.106
Tiền gửi ngân hàng	14.915.584.229	90.611.476.748
TỔNG CỘNG	15.334.512.600	90.699.811.854

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	1.387.662.621.079	997.010.317.604
Trong đó:		
Ông Lâm Thái Hoàng	191.129.303.974	94.599.664.303
Ông Phan Thanh Trí	177.160.636.530	165.384.410.345
Khách hàng khác	1.019.372.680.575	737.026.242.956
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	431.302.123.106	484.961.721.865
TỔNG CỘNG	1.818.964.744.185	1.481.972.039.469
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(328.493.630.962)	(14.282.422.254)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.490.471.113.223	1.467.689.617.215

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.282.422.254	7.744.204.382
Dự phòng trích lập trong năm	314.211.208.708	7.063.385.493
Hoàn nhập dự phòng	-	(525.167.621)
Số cuối năm	328.493.630.962	14.282.422.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	10.093.366.990	40.479.513.747
Trong đó:		
Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng -		
Thương mại Tân Hoàng Tuấn	6.554.020.000	4.720.612.720
Công ty TNHH Điện tử động Thuận Nhật	1.363.783.879	804.771.801
Công ty TNHH Bách Khoa Á Châu	-	9.240.000.000
Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng Hòa Phú	-	7.713.631.029
Khác	2.175.563.111	18.000.498.197
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	19.327.738.650
TỔNG CỘNG	10.093.366.990	59.807.252.397

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho mượn	62.237.129.334	-
Chi trả hộ	36.809.092.089	36.784.343.439
Khác	16.417.167.289	3.816.700.823
TỔNG CỘNG	115.463.388.712	40.601.044.262
Trong đó:		
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	99.046.221.423	36.784.343.439
Phải thu bên khác	16.417.167.289	3.816.700.823

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	123.039.369.025	585.955.186.246
Thành phẩm	52.746.898.851	60.624.548.083
Hàng mua đang đi đường	5.726.530.299	217.609.567.338
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.871.812.838
TỔNG CỘNG	181.512.798.175	867.061.114.505

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	453.005.798	1.081.100.258
Công cụ, dụng cụ	162.598.634	686.738.224
Khác	290.407.164	394.362.034
Dài hạn	18.337.444.087	29.825.577.481
Tiền thuê đất (*)	16.297.867.699	28.209.435.185
Công cụ, dụng cụ	1.807.924.348	1.266.142.298
Khác	231.652.040	349.999.998
TỔNG CỘNG	18.790.449.885	30.906.677.739

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại nhà máy Sa Đéc với giá trị còn lại là 6.260.628.393 VND để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	152.884.127.357	455.236.839.904	46.845.208.957	3.367.553.456	658.333.729.674
Mua mới	-	5.081.703.000	3.677.900.000	-	8.759.603.000
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	121.309.283.414	196.146.275.876	-	-	317.455.559.290
Điều chỉnh khác	-	-	(41.636.364)	-	(41.636.364)
Số cuối năm	274.193.410.771	656.464.818.780	50.481.472.593	3.367.553.456	984.507.255.600
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	8.867.542.297	57.739.565.519	8.248.084.212	1.868.580.227	76.723.772.255
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	43.754.441.989	157.562.506.648	20.610.297.773	2.936.970.427	224.864.216.837
Khấu hao trong năm	17.051.702.146	50.786.760.216	5.125.688.471	224.728.522	73.188.879.355
Số cuối năm	60.806.144.135	208.349.266.864	25.735.986.244	3.161.698.949	298.053.096.192
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	109.129.685.368	297.674.333.256	26.234.911.184	430.583.029	433.469.512.837
Số cuối năm	213.387.266.636	448.115.551.916	24.745.486.349	205.854.507	686.454.159.408

Công ty đã thể chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền phần mềm</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	954.750.000	926.532.000	346.196.775	2.227.478.775
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm và số cuối năm	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	954.750.000	-	-	954.750.000
Số cuối năm	954.750.000	-	-	954.750.000
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	954.750.000	-	-	954.750.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy	41.298.922.520	122.004.105.807
Dây chuyền sản xuất thức ăn	-	135.459.623.632
TỔNG CỘNG	41.298.922.520	257.463.729.439

Trong năm, Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 1.079.883.582 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 13.051.453.611).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày 30 tháng 9 năm 2017:

Tên	Số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	(VND)		
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	100	266.000.000.000	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	100	100.000.000.000	Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	100	80.000.000.000	Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	100	23.829.101.080	Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
TỔNG CỘNG		469.829.101.080		

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	184.589.551.837	178.102.891.814
Trong đó:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông sản Việt	28.781.699.175	34.157.122.575
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trại Việt	7.676.573.953	24.756.141.070
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Thương mại Cowin	7.247.357.800	28.143.557.400
Khác	140.883.920.909	91.046.070.769
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	131.180.501.188	10.320.452.760
TỔNG CỘNG	315.770.053.025	188.423.344.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế TNDN	6.713.309.982	11.613.197.755	(9.322.696.580)	9.003.811.157
Thuế thu nhập cá nhân	94.312.352	5.422.426.415	(5.137.128.648)	379.610.119
Thuế giá trị gia tăng	10.246.818	309.264.694	(313.009.603)	6.501.909
Thuế nhập khẩu	-	5.611.334.208	(5.386.715.256)	224.618.952
Khác	3.600.000	97.779.178	(95.811.178)	5.568.000
TỔNG CỘNG	6.821.469.152	23.054.002.250	(20.255.361.265)	9.620.110.137
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.939.307.710	240.013.391	(240.013.391)	2.939.307.710
Thuế nhập khẩu	191.141.573	-	(191.141.573)	-
TỔNG CỘNG	3.130.449.283	240.013.391	(431.154.964)	2.939.307.710

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	5.895.473.313	5.882.932.826
Khác	782.705.000	1.257.421.730
TỔNG CỘNG	6.678.178.313	7.140.354.556

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mượn tạm phải trả (*)	91.865.080.880	108.204.397.230
Cổ tức phải trả	56.999.050	56.999.050
Khác	34.476.886.709	4.734.467.205
TỔNG CỘNG	126.398.966.639	112.995.863.485
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	92.167.372.880	108.204.397.230
Phải trả bên khác	34.231.593.759	4.791.466.255

(*) Đây là các khoản mượn tín chấp, không chịu lãi suất từ bên liên quan và thanh toán theo yêu cầu của bên cho mượn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.447.526.747.650	1.650.919.772.313
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	1.238.473.056.650	1.584.919.772.313
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2 và 17.3)	209.053.691.000	66.000.000.000
Dài hạn	215.872.468.889	424.333.997.089
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	215.872.468.889	265.872.468.889
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.3)	-	158.461.528.200
TỔNG CỘNG	1.663.399.216.539	2.075.253.769.402

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.650.919.772.313	424.333.997.089
Tiền thu từ đi vay	2.309.540.675.413	-
Tiền chi trả nợ gốc vay (2.721.987.391.076)	(2.721.987.391.076)	-
Chuyển thành nợ dài hạn đến hạn phải trả	209.053.691.000	(209.053.691.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	592.162.800
Số cuối năm	1.447.526.747.650	215.872.468.889

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.238.473.056.650	Từ ngày 6 tháng 10 năm 2017 đến ngày 3 tháng 5 năm 2018	Từ 6,50 đến 7,50	Nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Khu Công nghiệp Sa Đéc và Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp

Khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động của Công ty.

17.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	265.872.468.889	Trả hàng quý, từ ngày 15 tháng 12 năm 2017 đến ngày 15 tháng 9 năm 2020	9,40	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thắng tại Lai Vung trị giá 376.625.000.000 VND

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	50.000.000.000
Vay dài hạn	215.872.468.889

Khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích đầu tư mở rộng nhà máy Lai Vung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Trái phiếu phát hành

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	Ngày 18 tháng 12 năm 2015	160.000.000.000	5 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(946.309.000)	
TỔNG CỘNG		159.053.691.000	
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả		159.053.691.000	
Vay dài hạn		-	

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 200 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang ("VIB") đặt mua theo Hợp đồng Mua bán Trái phiếu Số 0039/HDMBTP/2015/VIB-VTF ("Hợp đồng").

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, trả lãi sáu (6) tháng một lần, với lãi suất 7,5%/năm cho hai (2) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Hội sở/ Sở Giao dịch của VIB, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 2,5%/năm.

Công ty cam kết mua lại trái phiếu như sau:

- Vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ; và
- Vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác hình thành từ các chương trình đầu tư được tài trợ bởi tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Ngoài ra, toàn bộ nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu được bảo lãnh bởi Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, theo các điều khoản và điều kiện của Thư bảo lãnh ngày 16 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không duy trì được hệ số Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu và hệ số năng lực trả nợ như đã cam kết trong Hợp đồng. Vì vậy, toàn bộ giá trị trái phiếu được phân loại thành vay dài hạn đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.238.549.282	13.795.449.282
Tăng trong năm	3.563.080.149	-
Sử dụng trong năm	(258.450.000)	(556.900.000)
Số cuối năm	<u>16.543.179.431</u>	<u>13.238.549.282</u>

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	418.127.810.000	203.825.180.000	139.644.123.910	296.918.026.416	1.058.515.140.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	118.769.338.284	118.769.338.284
Hoàn nhập cổ tức công bố	-	-	-	41.812.781.000	41.812.781.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	627.191.540.000	(203.825.180.000)	(139.644.123.910)	(283.722.236.090)	-
Số cuối năm	1.045.319.350.000	-	-	173.777.909.610	1.219.097.259.610
Năm nay					
Số đầu năm	1.045.319.350.000	-	-	173.777.909.610	1.219.097.259.610
Lỗ trong năm	-	-	-	(318.906.026.602)	(318.906.026.602)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.563.080.149)	(3.563.080.149)
Phân phối lợi nhuận	-	-	23.753.867.656	(23.753.867.656)	-
Số cuối năm	1.045.319.350.000	-	23.753.867.656	(172.445.064.797)	896.628.152.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Hùng Vương	944.788.020.000	90,38	944.788.020.000	90,38
Các cổ đông khác	100.531.330.000	9,62	100.531.330.000	9,62
TỔNG CỘNG	1.045.319.350.000	100,00	1.045.319.350.000	100,00

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	1.045.319.350.000	418.127.810.000
Tăng trong năm	-	627.191.540.000
Số cuối năm	1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
Cổ tức công bố	-	(41.812.781.000)

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.552.326.871.732	4.674.317.583.155
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	3.091.912.674.167	4.404.502.150.601
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	449.446.277.179	238.835.389.898
Doanh thu bán nguyên liệu	5.947.234.600	24.775.372.200
Doanh thu bán heo	3.979.994.000	4.494.920.000
Doanh thu bán phế liệu	1.040.691.786	1.709.750.456
Các khoản giảm trừ doanh thu	(93.234.946.059)	(106.196.348.958)
Chiết khấu thương mại	(93.227.986.359)	(106.173.634.173)
Hàng bán bị trả lại	(6.959.700)	(22.714.785)
DOANH THU THUẦN	3.459.091.925.673	4.568.121.234.197
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	3.033.484.037.559	4.312.336.253.290
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	414.639.967.728	224.804.938.251
Doanh thu bán nguyên liệu	5.947.234.600	24.775.372.200
Doanh thu bán heo	3.979.994.000	4.494.920.000
Doanh thu bán bán phế liệu	1.040.691.786	1.709.750.456
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	2.892.493.373.894	3.877.748.691.873
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	566.598.551.779	690.372.542.324

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	452.723.533	686.639.803
Lãi tiền gửi	100.584.543	912.463.301
TỔNG CỘNG	553.308.076	1.599.103.104

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thức ăn thủy sản	2.797.185.469.245	4.007.291.480.259
Giá vốn thức ăn gia súc	393.075.115.844	216.054.411.014
Giá vốn nguyên liệu	5.109.695.471	24.293.148.452
Giá vốn heo	4.254.683.143	5.082.197.819
TỔNG CỘNG	3.199.624.963.703	4.252.721.237.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	146.782.026.712	108.705.819.321
Phí sắp xếp tín dụng	3.305.740.113	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	325.270.838	88.071.469
TỔNG CỘNG	150.413.037.663	108.793.890.790

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	40.918.074.008	17.774.761.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.007.563.254	7.956.160.092
Chi phí vật liệu bán hàng	2.565.877.839	2.175.929.585
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	665.347.335	629.317.609
Chi phí khác	13.421.945.162	7.799.917.360
TỔNG CỘNG	70.578.807.598	36.336.086.166

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu	314.211.208.708	6.538.217.872
Chi phí nhân công	19.664.394.567	16.910.966.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.224.002.097	5.893.734.844
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.520.980.682	2.594.018.688
Chi phí vật liệu quản lý	203.968.758	189.015.315
Chi phí khác	6.637.171.029	7.177.146.796
TỔNG CỘNG	349.461.725.841	39.303.100.497

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	816.565.806	5.250.666.884
Thu nhập khác	816.565.806	5.250.666.884
Chi phí khác	(693.271.959)	(183.562.309)
Chi phí khác	(693.271.959)	(183.562.309)
LỢI NHUẬN KHÁC	123.293.847	5.067.104.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.029.875.362.831	4.092.164.763.438
Chi phí nhân công	115.415.358.283	95.235.011.396
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	73.188.879.355	35.939.088.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.171.441.699	47.322.599.213
Chi phí khác	345.984.628.822	28.565.502.261
TỔNG CỘNG	3.603.635.670.990	4.299.226.964.629

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho 12 năm đầu tiên và 20% thu nhập chịu thuế cho các năm sau. Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong bảy (7) năm tiếp theo.

Ngoài ra, đối với dự án Sa Đéc 2, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%. Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2009), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong năm (5) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.613.197.755	22.005.491.434
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(3.017.178.362)	(3.141.702.839)
TỔNG CỘNG	8.596.019.393	18.863.788.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(310.310.007.209)	137.633.126.879
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	(62.062.001.440)	28.214.791.010
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	70.647.414.647	186.746.209
Khác	-	(3.927.179.204)
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	8.585.413.207	24.474.358.015
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	10.606.186	-
Thuế TNDN ưu đãi	-	(5.610.569.420)
Chi phí thuế TNDN	8.596.019.393	18.863.788.595

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	9.114.209.687	10.901.563.518	(1.787.353.831)	1.836.847.343
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.792.322.528	2.856.484.451	4.935.838.077	1.307.643.575
Dự phòng trợ cấp thôi việc	334.088.054	428.422.154	(94.334.100)	5.390.250
Chi phí phải trả	33.581.000	70.550.144	(36.969.144)	(8.026.933)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.640	(2.640)	(151.396)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.274.201.269	14.257.022.907		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			3.017.178.362	3.141.702.839

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Long An	Công ty con	Mượn tiền Góp vốn	67.650.000.000 66.000.000.000	130.000.000.000 200.000.000.000
Công ty TNHH Giống-Chăn Nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Cho mượn tiền Bán thức ăn gia súc Thanh toán hộ Góp vốn	60.552.000.000 30.763.200.692 21.548.650 -	44.800.000.000 941.018.224 40.584.343.439 80.000.000.000
Công ty TNHH Giống-Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Góp vốn Bán thức ăn gia súc Cho mượn tiền	39.653.870.666 2.179.307.020 1.685.129.334	60.346.129.334 - -
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Thanh toán hộ Góp vốn Cho mượn tiền	3.200.000 - -	- 23.829.101.080 200.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu Bán thức ăn thủy sản Cho mượn tiền Cho mượn nguyên vật liệu	559.558.579.200 115.165.873.800 56.500.000.000 12.631.786.579	- 5.227.674.000 - -
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	225.183.233.370	626.114.170.400
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	136.854.655.716	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	125.080.506.000	33.314.307.500
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản Mua nguyên vật liệu	64.393.094.024 61.658.705.097	100.011.372.654 137.437.511.272

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Bán nguyên vật liệu Cho mượn nguyên vật liệu	10.594.122.000 5.785.497.000 -	8.554.982.760 10.036.892.200 1.312.404.800
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu Chi phí gia công Bán công cụ, dụng cụ Bán nguyên vật liệu	8.181.160.500 1.234.338.000 776.200.000 6.028.800	- 18.266.976.000 - 14.738.480.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.889.643.050	5.370.189.650
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	221.010.757.256
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	Mượn tiền	-	35.000.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong năm như sau:				
Lương và các chi phí liên quan			9.547.294.221	6.408.581.531
				VND
			Năm nay	Năm trước

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	300.142.280.570	417.984.989.600
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn thủy sản	87.823.070.800	5.227.674.000
Công ty TNHH Giống-Chăn Nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Bán thức ăn gia súc	31.704.218.916	941.018.224
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu Cung cấp dịch vụ	5.813.928.800 853.820.000	5.807.900.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	2.785.497.000	4.324.392.200
Công ty TNHH Giống-Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Bán thức ăn gia súc	2.179.307.020	-
Công ty TNHH Cao Trí (*)	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	-	36.475.978.341
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	-	14.199.769.500
TỔNG CỘNG			431.302.123.106	484.961.721.865
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Cao Trí (*)	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	19.327.738.650
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Giống-Chăn Nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Cho mượn tạm Thanh toán hộ	60.552.000.000 36.805.892.089	- 36.784.343.439
Công ty TNHH Giống-Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Cho mượn tạm	1.685.129.334	-
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Thanh toán hộ	3.200.000	-
TỔNG CỘNG			99.046.221.423	36.784.343.439

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty TNHH Cao Trí không phải là bên liên quan của Công ty

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	113.503.167.400	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	13.943.597.228	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	2.128.146.000	893.808.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1.605.590.560	8.554.982.760
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	871.662.000
TỔNG CỘNG			131.180.501.188	10.320.452.760
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	6.719.724.500	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Công ty con	Mượn tiền	91.865.080.880	80.977.080.880
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Khác	302.292.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	Mượn tiền	-	27.227.316.350
TỔNG CỘNG			92.167.372.880	108.204.397.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

29. CÁC CAM KẾT

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.817.515.745	9.344.760.984
Trên 1 – 5 năm	3.563.980.724	28.005.331.910
Trên 5 năm	20.276.284.748	37.562.069.122
TỔNG CỘNG	26.657.781.217	74.912.162.016

Các cam kết góp vốn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 126.170.898.920 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 165.824.769.586 VND) liên quan đến việc góp vốn vào các công ty con.

Bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Giống-Chăn Nuôi Việt Thắng An Giang – công ty con của Công ty với số tiền tối đa là 156.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 156.000.000.000 VND).

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

